

BÁC-SĨ YERSIN, NGƯỜI ĐẦU TIÊN TÌM RA VÙNG ĐẤT ĐÀ-LẠT

▽ NGUYỄN - VĂN - Y

Ngày nay, đứng trước phong cảnh nên thơ, những hàng thông thẳng ngọn, những hồ nước trong xanh, những ngôi nhà kiến trúc tối tân của Đà-lạt xinh đẹp, có bao giờ ta nghĩ rằng xưa kia nơi đây chỉ là một vùng đất trơ trọi hoang vu, và tự hỏi ai là người đầu tiên tìm ra miền cao-nguyên thơ mộng ấy không? Tôi xin dựa theo một ít tài liệu trong mấy tờ tạp chí Pháp xuất bản ở Đông-dương trước đây, lược thuật lại cuộc đời và sự nghiệp của bác-sĩ Yersin, người được coi là có công trong việc khám phá ra vùng đất Đà-lạt, để gọi là tỏ chút lòng tưởng nhớ một bậc danh nhân đã giúp cho chúng ta một nơi nghỉ mát tốt lành và tô điểm cho quê hương mình thêm đẹp thêm xinh.

✱

Alexandre Yersin sinh ngày 22 tháng 9 năm 1863, tại miền đồng quê tổng Vaud, hạt Lavaux, nước Thụy-Sĩ. Tờ-tiền ông gốc người Pháp, sang định cư ở làng Rougemont (thuộc hạt Lavaux) vào thời vua nước Pháp hủy bỏ sắc luật cho phép dân chúng theo đạo Gia-tô cải cách (Révocation de l'Edit de Nantes). Sắc luật mới này do vua Louis thứ 14 ký ngày 18-10-1685. Thân phụ ông là một nhà khảo cứu Côn-trùng-học hữu danh, làm giáo-sư dạy khoa Vạn-vật học.

Thuở nhỏ, Yersin học ở tỉnh Morges. Lúc hai mươi tuổi (1883) ông khởi đầu học thuốc ở học viện Lausanne bên cạnh hồ Léman (Thụy-Sĩ). Kế tiếp ông đến học ở Marbourg (Đức), rồi sang tới Paris (Pháp). Ba năm sau ông giúp việc tại phòng thí nghiệm ở Hotel Dieu. Vào lúc đó, Pasteur đang nổi tiếng về công cuộc tìm ra thuốc trừ bệnh chó dại. Ông bèn xin vào làm ở phòng thí nghiệm của Pasteur và tôn ông này như là một bậc thầy.

Năm 24 tuổi (1887), Yersin nhập quốc tịch Pháp, và trình một luận án đặc sắc về bệnh lao của giống thỏ nhà để thi lấy bằng Bác-sĩ Y-khoa. Sau đó, ông đến Bá-linh ở một năm theo học hỏi bác-sĩ Koch, người đã nổi tiếng nhờ sự tìm ra vi-trùng bệnh lao.

Năm 1888, ông trở về Pháp tiếp tục nghiên cứu ở Viện Pasteur Paris vừa mới được khánh thành. Ông được bác-sĩ Roux miễn tài mồi công tác tìm thuốc chữa bệnh Yết-hầu. Ông ký với Roux ba bản Kỷ yếu (trois mémoires) quan trọng, chứng nhận rằng vi-trùng Klebs—Lœffler là giống vi-trùng truyền bệnh yết-hầu. Ba bản kỷ-yếu đó sau này trở nên những bản làm quy tắc trong các đại học đường Khoa-học và chính nhờ đó mà khoa vi-trùng độc chất học (Toxicologie microbienne) được tiến triển, đồng thời còn giúp ích cho sự phát minh các thứ thuốc khử độc (Antitoxines) và phòng bệnh (Sérothérapie). Chính trong thời gian này ông quen biết bác-sĩ Calmette.

Bấy giờ, mới 26 tuổi đầu, danh tiếng ông đã vang lừng trong giới khoa học. Nhưng ông không vì thế mà tự mãn, lúc nào cũng chịu khó cầu tiến.

Cuối năm 1889, ông bắt đầu sang Đông-dương, làm Y-sĩ cho hãng tàu Messageries Maritimes. Mỗi lần tàu cập bến Nha-Trang, ông thích thú đưa mắt nhìn ngắm dãy Trường-sơn bao la hùng-vĩ. Trước sức hấp dẫn của cảnh trí thiên nhiên đó, ông chợt có ý định đi bộ từ Nha-Trang đến Sài-gòn, dù lúc đó chưa có đường xe hơi và xe lửa.

Năm 27 tuổi, vào khoảng tháng 7 năm 1890, ông từ Nha-Trang đi ngựa vào Phan-Rí. Từ Phan-Rí, ông nhờ một người dẫn đường lần mò vào rừng, và sau hai ngày đường khổ cực, ông tới Di-linh. Cuối cùng ông xuống Phan-Thiết, đi thuyền buồm đến Nha-Trang rồi ra tới Qui-nhon.

Vào những năm 1890 — 1894, các miền rừng núi dọc dãy Trường-sơn từ phía bắc Nam-kỳ đến phía nam Trung-kỳ và Hạ Lào hãy còn là những vùng bí hiểm, chưa được khai khẩn, ngoài một ít bộ lạc thiểu số, chưa ai đặt chân đến vùng đất hoang vu ấy. Vậy mà một người ngoại quốc như bác-sĩ Yersin, đơn thân độc mã, không kẻ tùy tùng, dám dẫn thân vào miền rừng sâu nước độc, bất chấp cả dã thú và sự giết người của thổ dân, thì thật là có gan mạo hiểm phi thường.

Trong cuộc thám hiểm miền Dran vào năm 1893, ông bị bọn cướp chém đứt nửa ngón tay cái trái và bị đâm nhiều nhát dao găm vào ngực đến ngắt ngư. Theo hồi ký của ông, bọn cướp này do tên Thouk cầm đầu, vốn là những tên tù chính trị ở Bình-Thuận, sau khi thất bại trong việc mưu toan đánh chiếm tỉnh lỵ này mới trốn vào miền rừng núi. Mặc dù trong lần thám hiểm này có ba người Việt-Nam tháp

tùng ông với ba cây súng trường và một cây súng lục, ông vẫn bị chúng tước khí giới, ba người tùy tùng đều bỏ chạy, một mình ông đành chịu trận bán sống bán chết đương cự với bọn cướp. Theo lời khai của viên đầu đảng sau khi bị nhà cầm quyền bắt thì, nếu mấy tên kia gan dạ hơn một chút, chúng đã cắt cổ ông xong rồi.

Sau khi thoát nạn, nửa đêm ông nhờ người ta vớng ông về Phan-Rang. Dọc đường lại rơi vào giữa đàn voi. Mấy người vớng ông hoảng sợ bỏ chạy trốn hết, còn ông một mình bơ vơ giữa rừng. Ông kiệt sức, không hoạt động gì được, đành nằm chờ chết. Nhưng may đàn voi rẽ đi đường khác, không chà đạp thân thể ông. Dù bị thương nặng, thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, ông vẫn không từ bỏ lòng say mê thám hiểm.

Đi đến đâu ông cũng ghi chép địa thế từ dòng sông, từ con suối, ông còn nhận xét về phong tục, về giá trị kinh tế của từng miền. Ông không là nhà du-lịch đi ngắm cảnh đẹp thiên nhiên như một khách nhàn du; ông chính là một nhà thám hiểm say mê tìm cái lạ, học cái hay để mở mang kiến thức và mưu ích cho con người.

Sau ba cuộc thám hiểm liên tiếp, bác-sĩ Yersin tìm ra cao-nguyên Lâm-Viên. Ngày 21 tháng 6 năm 1893, đứng trước phong cảnh hùng vĩ ở độ cao cách mặt biển 1.500 thước, ông bày tỏ cảm nghĩ của mình như sau: *« Cảm tưởng của tôi rất sâu xa khi vượt khỏi rừng thông; tôi đối diện với một cao nguyên mênh mông, không cây cối và hoang vu, có dáng như một vùng biển xao động mãnh liệt bởi một loạt sóng cồn ba động màu xanh biếc. Dãy núi Lâm-Viên đứng sừng sững ở phía chơn trời tây bắc cao nguyên, làm cho phong cảnh tăng thêm vẻ đẹp và nổi bật trên một hậu cảnh mỹ lệ ».*

(Tôi cảm thấy chưa dịch được hết ý mấy câu văn đặc sắc của tác giả, nên xin chép lại nguyên văn của ông: *Mon impression a été profonde lorsque, débouchant de la forêt de pins, je me suis trouvé en face de ce vaste plateau dénudé et désert, dont l'apparence rappelait celle d'une mer bouleversée par une houle énorme d'ondulations vertes. Le massif du Lang-bian se dressant à l'horizon nord-ouest du plateau, accentuait la beauté du site en lui donnant du relief et en lui formant un arrière-plan splendide*).¹

1. Theo Genevray: *Indochine*. N^o 133, 18 Mars 1943 p. 4.

Theo hồi ký ông viết, lúc ông đặt chơn đến vùng này, thì ở đây chỉ có rải rác vài làng của thổ dân người Lát tụ họp dưới chân núi, dân cư thật là thưa thớt.

Vi nhận thấy vùng đất này khí hậu tốt lành và phong cảnh xinh đẹp, bác-sĩ Yersin đề nghị cùng Toàn quyền Paul Doumer nên lập một thành phố tại đây để làm nơi nghỉ mát và dưỡng bệnh. Đề án đó được chấp nhận, và sau khi phái hai đoàn thám hiểm vào năm 1897 và 1898 lên quan sát tại chỗ, Toàn quyền Pháp cho khởi công xây dựng sở Khí-tượng và căn cứ thí nghiệm trồng trọt, lại mở một con đường chạy dài từ miền duyên hải Trung-kỳ lên tận miền sơn cước. Thành phố Đà-lạt bắt đầu khai sinh từ đấy.

Nhờ ở vị trí cao lại không xa bờ bể là mấy nên quanh năm khí hậu ở Đà-lạt mát mẻ, thời tiết không thay đổi, trung bình là 18 độ. Từ năm 1933, sau khi quốc lộ số 20 dài 300 cây số được hoàn thành, bao nhiêu du khách ở đồng bằng miền Nam đều có thể dùng xe hơi đến viếng Đà-lạt một cách dễ dàng để nghỉ mát trong những ngày nóng bức.

Người có công tìm cho chúng ta một nơi nghỉ mát nên thơ đó chính là bác sĩ Yersin.

Đến năm 31 tuổi (1894), bác sĩ Yersin dẫn theo mười lăm người lính tập từ phía nam đi lần lên tỉnh Darlac và Kontum, vào các xóm Mọi phía bắc dãy núi Lâm-Viên.

Lần đi thám hiểm cuối cùng này về, ông nghe tin bệnh dịch hạch đang phát hiện ở Vân-Nam, gần biên giới Việt-Hoa, làm chết ngót sáu mươi ngàn người ở miền nam Trung-quốc. Ông liền xin Chánh phủ đến tại nơi quan sát bệnh tình về phương diện «vi-trùng». Đang lúc ấy bệnh dịch hạch lại lan tràn sang Hồng-Kông. Ông quay lại đáp tàu ra Hải-Phòng đi Hồng-Kông. Thế rồi 48 giờ sau, ông đặt chơn đến Hồng-Kông, thuê người cất một căn nhà bằng tre lợp tranh dùng để làm phòng thí nghiệm. Ông mua mấy xác chết về mổ xẻ, lấy vi-trùng trong các hạch người chết, cấy vào giống chuột bạch và chuột Ấn-Độ, thì nhận thấy các con chuột này cũng chết vì dịch hạch. Ông bèn kết luận: Bệnh dịch hạch của người ta giống y như bệnh dịch hạch của loài chuột.

Sau đó ông gửi loại vi-trùng dịch hạch về Paris cho các bác-sĩ thí nghiệm; họ cũng đồng một ý kiến với ông là thứ vi-trùng ấy chính là căn nguyên bệnh dịch hạch.

Đến năm 1895, ông lập viện Pasteur ở Nha-Trang, rồi trở về Pháp, cùng với hai bác-sĩ Calmette và Roux kiểm thuốc ngừa bệnh dịch hạch; năm sau ông trở lại Viễn-Đông, mang theo thuốc ngừa dịch hạch vừa tìm ra.

Bấy giờ bệnh dịch hạch lại tràn sang Quảng-Châu và Hạ-Môn. Ông bèn đến tận nơi, thử dùng thứ thuốc mới trị bệnh, ông cứu sống được một số người, đủ chứng tỏ là thuốc do nhóm ông tìm ra rất hiệu nghiệm.

Sau đó ông trở lại Việt-Nam, làm việc ở viện Pasteur Nha-Trang cho đến ngày từ già cỗi trần, ngoại trừ mấy năm (từ 1902 đến 1904) ông lo mở trường Cao-đẳng Y-khoa ở Hà-Nội và về Pháp mấy lần thăm bác-sĩ Roux.

Từ năm 1905 đến 1918, ông làm Giám-đốc hai viện Pasteur Sài-gòn và Nha-Trang. Năm 1925, ông làm Tổng Thanh-tra các viện Pasteur ở Đông-Pháp.

Từ ngày lập viện Pasteur Nha-Trang, ông chuyên môn quan sát các bệnh của súc vật và tìm ra được thứ thuốc chữa và phòng bệnh trâu bò. Ông lại cùng với các người giúp việc quan sát các chứng bệnh khác như Barbone, Sura và Piroplasmose.

Ngoài việc nghiên cứu về Y-học, bác-sĩ Yersin còn là một nhà trồng tía, một nông học gia nổi danh. Ông lập ra vườn trồng cây để thí nghiệm những giống cây vùng nhiệt đới. Các loại cây như Guttapercha, Coca, Cacao, cây cọ dầu Phi-châu và nhứt là cây cao su lấy giống ở Mã-Lai đều được ông trồng có kết quả rất tốt tại đồn-điền Suối Dầu. Năm 1918, ông lại thử trồng cây Quinquina trên đảo Hòn Bà, nhưng kết quả không tốt vì đất cứng và khí hậu không hợp như ở Suối Dầu. Ông lại đi tìm những vùng đất màu tốt và khí hậu thích hợp ở Dran, Diem, Di-Linh. Từ đó về sau, người nước ta khỏi mua chất Quinine ở nước ngoài về làm thuốc, ấy là nhờ công lao hai mươi lăm năm chịu khó ương giống, thử đất, trồng cây của bác-sĩ Yersin.

Lúc làm việc tại Nha-Trang, ông sống rất giản dị thanh bạch, mặc dù ông có thừa phương tiện để hưởng thụ cuộc đời phù phiếm xa hoa. Ông ở trong một tòa nhà vuông, cao, có hai tầng. Nhà được cất trên nền cái đồi thứ nhất dựng ở Nha-Trang, tại cửa sông, đối diện với di-tích Chàm Po-Nagar, dưới thấp chung quanh là những căn nhà lụp xụp của dân chài lưới. Bốn mặt nhà đều có hành lang chạy vòng quanh, đứng

ở đây có thể phóng mắt nhìn ra bốn phương trời, núi non hiện ra trước mặt thật là bát ngát hùng vĩ. Quanh nhà, các loại bìm bìm, bông bụp lục và đỏ, hồng và tím mọc đầy, không hề có một vườn rau, hoa trái, hay cây cảnh dùng trang hoàng cho ngôi nhà của ông thêm đẹp mắt.

Bác-sĩ Yersin là một người sống rất bình dân, thường chỉ mặc bộ ka-ki màu vàng, và dù đã 80 tuổi rồi mà sáng nào ông cũng cỡi xe đạp tới viện Pasteur. Ông lại có lòng nhân ái, hay dùng thời giờ rỗi rảnh dạy dỗ mở mang thêm cho những người dân chài lưới chắt phác ở miền ông cư trú. Ông thương cả đến loài cầm thú, chim muông và mỗi khi gọi con vật nào cũng lót hai chữ "người ta" ở trước: người ta chó, người ta mèo, người ta kết...

Ngày 1 tháng 3 năm 1943, bác-sĩ Yersin mất tại Nha-Trang, hưởng thọ 80 tuổi.

Thi hài ông được an-táng trên một khoảnh đồi ở khu đồn điền Suối Dầu đẹp đẽ, bên cạnh những cây cao su thẳng ngọn lên trời xanh. Đây chính là nơi ông đã khai khẩn trồng trọt rộng ngót năm trăm mẫu đất, và di sản này ông tặng cho viện Pasteur Nha-Trang. Theo di chúc của ông, đám táng diễn ra cực kỳ giản dị, chẳng có một bài điệu văn nào, nhưng mọi người tiễn đưa ông về ba tấc đất ai cũng ngậm ngùi mến tiếc sự ra đi vĩnh viễn của một bậc vĩ nhân.

Xét cuộc đời của bác-sĩ Yersin, chúng ta phải thán phục trước những công trình giúp ích nhân loại của ông. Chưa đầy 30 tuổi, đã nổi danh khắp thế giới, vậy mà ông vẫn không ở lại quê hương thụ hưởng danh lợi, ông đến Việt-Nam, coi đây như là quê hương thứ hai, tận tâm làm việc cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Chính vào năm bác-sĩ Roux mất (1933) và sau khi bác-sĩ Calmette từ trần, ông được mời về giữ chức vụ nối tiếp điều khiển viện Pasteur Paris. Nhưng ông đã từ chối, ý muốn ở lại Việt-Nam mãi đời, và chỉ chịu nhận chức Giám-đốc hàm cho viện Pasteur lừng danh thế-giới đó mà thôi.

Ông xứng đáng là một ông thầy thuốc trứ danh, một nhà thám hiểm can trường, một nông học gia uyên bác. Lúc sống, ông từng được tặng chức Giám-đốc hàm viện Pasteur Paris, có chân trong Bác-sĩ học viện và Y-học Hàn-lâm viện, được thưởng Nhị đẳng Bắc đẩu Bội tinh và nhiều huy chương ngoại quốc. Năm 1935, ông được vinh dự mời đến chủ tọa buổi lễ khánh thành một ngôi trường kang trang đẹp đẽ ở Đà-lạt mang tên Yersin. Lúc chết bao nhiêu người dân quê mùa làm nghề đánh cá ở

vùng bờ biển Nha-Trang lũ lượt đến đốt nhang sụp lạy trước quan tài ông để tỏ lòng kính mến thương tiếc một bậc ân nhân đã sống với họ bằng tấm lòng nhân hậu vô biên, có nhiều bậc trí thức hết lời tán tụng tài cao đức trọng của ông và nhiều đường phố ở Việt-Nam được mang tên họ ông.

Hơn năm mươi năm say mê làm việc không ngừng, trước ngày chết một hôm ông còn gắng đo mực nước thủy triều ở bờ biển miền Trung Việt dù người ta khuyên ông nên tịnh dưỡng, ông đã phụng sự nhân loại một cách nhiệt thành bất cầu tư lợi, thật xứng danh là một vĩ nhân mà mọi người đều ngưỡng mộ sâu xa. Đời bác-sĩ Yersin quả là một tấm gương sáng lưu lại cho nghìn sau.

Đêm 18 tháng 4 năm 1943 tại câu lạc viện Nha-Trang, nhưn kỳ cúng tuần 50 ngày ông mất, Nguyễn-Tur-Trực có soạn đọc một bài văn truy niệm gói ghém được tất cả cuộc đời bác-sĩ Yersin mà tôi xin chép lại vào đây để kết thúc bài này :

« Hôi ôi !

Đất Pháp mây mù,
 Trời Nam sấm nổ ;
 Non Yên cây xiêu,
 Biển Cù sóng bờ
 Lầu thiên văn sao rụng lúc bây giờ,
 Nhà bác-sĩ gương treo người thiên cổ.

Nhớ Thánh xưa :

Nhơn đức trời sanh, thông minh trời phú,
 Mạo hiểm ai bằng, kiếm cần ai có.
 Mặc áo thường mặc ka-ky vàng,
 Đi công sở đi xe máy cũ.
 Mê đay long bội chẳng mấy khi chừng,
 Ra vách phô-côn không hề buộc cổ.
 Siêu thoát nguồn tình biển dục, hồn nhẹ thình thình,
 Tới lui viện sách phòng văn, thân riêng vợ vợ.
 Chỗ sang giàu ông chẳng giao du,
 Nơi bần bạc ông hay tế độ.
 Đời ông hay nói những tiếng « người ta »,
 Đời ông hay chơi những phường trẻ nhỏ.

Đàn bà, con nít, dân xóm Cồn xem tợ như cha,
 Kẻ bệnh, người già, nơi Sở thuốc thầy đều chiếu cố.
 Nhớ những lúc thừa nhân giải trí, quay phim về chiếu bóng
 đề người xem ;

Cùng những khi khuyên trẻ lành ngoan, mớicúi ra thường xu
 cho lũ nó.

Ấy việc thường trông thấy hằng ngày,
 Còn việc lớn chép ghi mấy sớ.

Xứ Hương cảnh tràn lan dịch chuột, thầy thuốc Anh đành chịu
 vô phương ;

Nhà Pat-tơ khảo cứu dày công, phép châm chích đáng xưng
 quốc thủ.

Bệnh hạch vi trùng giết đợc, cứu sanh linh đời đề thuốc thần,
 Đất tiên Đà-lạt tìm ra, trông phong cảnh người vui nước tở.
 Nghề Y-khoa ông đã tinh nghề, thú lâm bác ông càng thích thú.
 Non nước tìm đường, mọi mường dẫn ngõ.

Một giải tây kỳ, mấy miền hoang thổ.

Biết bao thuở trèo non lội suối, hết lòng tham cứu, còn sợ gì
 nước độc nguồn cao,

Đã lắm khi vào tử ra sanh, quyết chí mở mang, đề cho đợc
 dân phong quốc phú.

Lựa giống cỏ cây, trông theo khí hậu,

Công ông đầy núi thẳm rừng sâu,

Đức ông đủ hàng ma phục hồ.

Ôi ! Non Nhạc về thần,

Thành Nha đề dấu.

Ông tuy mất mà thanh danh nào mất, tiếng Suối Dầu reo rắc
 giữa giang sơn,

Ông qua đời mà sự nghiệp đề đời, viện y thú rõ ràng trong vũ
 trụ.

Nếu nhơn loại in như ông cả, trên địa cầu đâu có chiến tranh,
 Vì nhơn tâm khác với ông xa, dưới trần tục nên còn thống khổ.

Ôi thôi ! Kề lắm thêm thương, nói nhiều nghĩ hồ,

Thương là thương, ngoài ngàn muôn dặm, cảnh tình kia tiêu
 điều thế cuộc, ông là người mà người thế nước hã đương cần.

Hồ là hồ, trong mấy mươi năm, chúng ta đây gần gũi vĩ nhân,
 ông tiếng thánh mà tiếng hiền sao ta chẳng có.

Như ông !

Sống phi thường cho đến chết cũng phi thường,
Mạng đã thọ, mà lại danh càng thêm thọ.
Người xa biết đâu, người gần mới rõ.
Hôm nay, theo lễ An-Nam, năm mươi ngày giỗ,
Câu lạc viện ta, quan viên đông đủ,
Dâng bình hoa thơm, đốt lư trầm đỏ,
Truy điệu đôi lời quê kịch, gọi là tẩm dạ tinh thành.
Kề qua ít chuyện đình ninh, cảm thay ơn người bảo hộ.
Hồn Thánh chứng tri, lòng phàm ngưỡng mộ.
Hỡi ôi! Thương thay!!»

NGUYỄN - VĂN - Y

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BAUDRIT : Alexandre Yersin. *Bulletin général de l'instruction publique*. 22^e année, N^o 8 Avril 1943, p. 181-194.
- NOEL BERNAD : Le docteur Yersin. *Indochine*. 2^e année, N^o 66, jeudi 11 Décembre 1941, p. 1-2.
- GENEVRAY : A. Yersin. *Indochine*. 4^e année, N^o 133 jeudi Mars 1943, p. 3-5.
- EDITIONS DU GOUVERNEMENT GÉNÉRAL : Le Docteur A. Yersin. Hà-nội, 1943 (64 p.).
- PHẠM GIA TRIẾP : DALAT, (41 trang Ronéo).

HĂNG BÓNG

COBOVINA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BÀNG, GẠC,

148/1 NGUYỄN MINH CHIỂU

TÂN SƠN NHỰT